

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NẬM NHÙN  
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Nậm Nhùn, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

Bản án số: 02/2019/HNGĐ- ST

Ngày 20/8/2019

*“Về việc Ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM NHÙN - TỈNH LAI CHÂU**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Bằng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thị Thi

2. Bà Lò Thị Chương

Thư ký phiên tòa: Bà Mào Thị Chiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn tham gia phiên tòa: Ông Tăng Bá Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 20/8/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 01/2019/TLST - HNGĐ ngày 04/01/2019 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 24/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mào Thị G, sinh năm 1987

Địa chỉ: Bản Pa Kéo 1, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Lò Thành D, sinh năm 1980

Địa chỉ: Bản Pa Kéo 1, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2019 và biên bản lấy lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Mào Thị G trình bày:

Chị và anh Lò Thành D đăng ký kết hôn từ ngày 16/5/2009 tại UBND xã Mường Mô, huyện Mường Tè (cũ) nay là huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 16/5/2009. Sau khi cưới chị và anh Lò Thành D chung sống hạnh phúc từ năm 2009 đến năm 2013 thì vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng chị luôn có những bất đồng quan

điểm trong cuộc sống, trong thời gian đó anh D thường đi làm công trình, nợ lẩn và không quan tâm đến gia đình vợ con, anh thường xuyên uống rượu say sỉn, chửi bới, nhục mạ chị và từ đó vợ chồng chị luôn xảy ra xô sát nhiều hơn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không thể kéo dài thêm, mặc dù chị đã tìm cách khắc phục và đã được hai bên gia đình và người thân động viên hòa giải nhưng không có kết quả gì. Đến nay chị và anh D đã sống ly thân, nay chị không còn tình cảm với anh D và tình cảm của anh chị không thể hàn gắn được, vì vậy chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Thành D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Lò Thành D có với nhau hai con chung là Lò Thị Minh T, sinh ngày 26/12/2009 và Lò Trung H, sinh ngày 05/12/2013. Quan điểm của chị sau khi ly hôn với anh Lò Thành D, chị G có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Lò Thị Minh T và Lò Trung H cho đến khi con chung thành niên đủ (18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu anh Lò Thành D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Mào Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lò Thành D trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Lò Thành D vẫn cố tình vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không có lý do nên không thể hiện ý kiến của mình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Lò Thành D không tuân thủ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nhằm trốn tránh nghĩa vụ tại các phiên họp và phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung ý kiến giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý sử dụng án án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mào Thị G.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] về thủ tục tố tụng:**

Chị Mào Thị G và anh Lò Thành D đều có địa chỉ: Bản Pa Kéo 1, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về hôn nhân: Chị Mào Thị G và anh Lò Thành D kết hôn trên tinh thần tự nguyện và đăng ký kết hôn từ ngày 16/5/2009 tại UBND xã Mường Mô, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/5/2009. Chị và anh D trong cuộc sống hôn nhân thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh D không quan tâm đến gia đình vợ con, anh thường xuyên uống rượu say sưa, chửi bới, nhục mạ chị dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, chị và anh Lò Thành D đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay, do đó tình cảm của anh chị không thể hàn gắn được. Nay chị Mào Thị G xin ly hôn với anh Lò Thành D.

Bị đơn anh Lò Thành D được tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh D cố tình không đến Tòa án để thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị G, điều đó thể hiện anh D không tha thiết với cuộc sống hôn nhân với chị G. Vì vậy, Tòa án đã làm các thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn và đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất do anh D vắng mặt. Qua đó Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân của chị Mào Thị G và anh Lò Thành D không đạt được, việc chị G yêu cầu ly hôn với anh D là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] về con chung: Chị Mào Thị G và anh Lò Thành D có hai con chung là Lò Thị Minh T, sinh ngày 26/12/2009 và Lò Trung H, sinh ngày 05/12/2013. Tại bản tự khai ngày 28/5/2019 của cháu Lò Thị Minh T có nguyện vọng được ở với chị Mào Thị G, đối với cháu Lò Trung H chưa đủ 7 tuổi nên không có ý kiến của mình. Quan điểm của chị Mào Thị G sau khi ly hôn với anh Lò Thành D chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Lò Thị Minh T và Lò Trung H cho đến khi con chung thành niên đủ

(18 tuổi). Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lò Thành D đều vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên không thể hiện được ý kiến của mình về việc nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử xem xét giao hai con chung cho chị G là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Mào Thị G không yêu cầu anh Lò Thành D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung chị Mào Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3] Về án phí:** Nguyên đơn chị Mào Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ áp dụng các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mào Thị G, chị Mào Thị G được ly hôn với anh Lò Thành D.

2. Về con chung: giao con hai con chung là Lò Thị Minh T, sinh ngày 26/12/2009 và Lò Trung H, sinh ngày 05/12/2013 cho chị Mào Thị G là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Mào Thị G không yêu cầu anh Lò Thành D cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lò Thành D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung chị Mào Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mào Thị G phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền chị G đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2010/0002977 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Nậm Nhùn;
- THADS huyện Nậm Nhùn;
- UBND xã Mường Mô, Nậm Nhùn;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Bằng**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN   CHỦ TỌA PHIÊN TÒA   HỘI THẨM NHÂN DÂN**